

HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM CUNG CẤP VỐN TÍN DỤNG

I. Thông tin dự án:

1. Tên dự án: Dự án thành phần 2 “Các công trình phục vụ quản lý bay” thuộc dự án “Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1”

2. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 3.435.251.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba nghìn, bốn trăm ba mươi lăm tỷ, hai trăm năm mươi một triệu đồng*)

3. Nguồn vốn đầu tư: Hỗn hợp, bao gồm:

- Vốn của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Vốn vay thương mại trong nước.

4. Chủ đầu tư: Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

6. Quy mô đầu tư xây dựng: Dự án thành phần 2 “Các công trình phục vụ quản lý bay” bao gồm:

- Đài Kiểm soát không lưu và các hạng mục phụ trợ (ATCT).
- Trạm radar sơ cấp/Thứ cấp và Trạm phát sóng vô tuyến (PSR/SSR/Tx).
- Trạm thu phát sóng vô tuyến và Trạm giám sát phụ thuộc (Rx/ADS-B).
- Trạm radar khí tượng.
- Đài dẫn đường đa hướng và đo cự li (DVOR/DME).
- Hệ thống giám sát đa điểm (MLAT).
- Hệ thống quan trắc thời tiết tự động (AWOS).
- Hệ thống cảnh báo gió đứt.
- Hệ thống kết nối thông tin, dữ liệu giữa các công trình bảo đảm hoạt động bay.
- Hệ thống cấp điện trung thế cho các công trình bảo đảm hoạt động bay.

7. Loại cấp công trình: Công trình giao thông cấp đặc biệt.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

9. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 đến năm 2025.

10. Danh mục các gói thầu sử dụng vốn vay thương mại giai đoạn 2021-2025:

STT	Tên gói thầu	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Giá trị dự toán gói thầu (VNĐ)	Giá trị vốn vay thương mại dự kiến (VNĐ)
1	Gói thầu TB02: Cung cấp và lắp đặt các hệ thống radar sơ	330 ngày	Vốn của TCT và vốn vay thương	124.401.674.972	67.900.178.000

	cấp, thứ cấp PSR/SSR		mại		
2	Gói thầu TB03: Cung cấp và lắp đặt các hệ thống thiết bị đài KSKL	360 ngày	Vốn của TCT và vốn vay thương mại	321.783.350.209	162.305.123.000
3	Gói thầu TB04: Cung cấp và lắp đặt các hệ thống D-ATIS, MIPS, AWOS, WDR+WSAS+ MET backup Indicator	300 ngày	Vốn của TCT và vốn vay thương mại	172.073.858.494	92.351.533.000
4	Gói thầu TB06: Cung cấp và lắp đặt các hệ thống, thiết bị thông tin	210 ngày	Vốn của TCT và vốn vay thương mại	99.281.710.228	54.863.111.000
	Tổng cộng			717.540.593.903	377.419.945.000

II. Tình hình thực hiện các gói thầu sử dụng vốn vay thương mại:

- Gói thầu TB02: Đã phát hành hồ sơ mời thầu ngày 17/6/2024; Đóng thầu ngày 24/7/2024.

- Gói thầu TB03: Đã phát hành hồ sơ mời thầu ngày 30/6/2024; Đóng thầu ngày 12/9/2024.

- Gói thầu TB04: Đã phát hành hồ sơ mời thầu ngày 30/6/2024; Đóng thầu ngày 19/8/2024.

- Gói thầu TB06: Đã phát hành hồ sơ mời thầu ngày 30/6/2024; Đóng thầu ngày 28/8/2024.

III. Thông tin về nhu cầu vay vốn:

1. Số tiền vay: 377.419.945.000 đồng.
2. Loại tiền vay: Việt Nam đồng.
3. Hình thức vay: Tín chấp.

4. Mục đích vay: Mua sắm thiết bị chuyên ngành quản lý bay.
5. Thời gian vay: 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
6. Thời gian ân hạn gốc: 02 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
7. Thời gian trả gốc: 05 năm.
8. Tiến độ giải ngân (dự kiến):
 Quý II/2025: 52.230.906.000 đồng.
 Quý III/2025: 251.912.290.000 đồng.
 Quý IV/2025: 73.276.749.000 đồng.
9. Kỳ trả lãi: 03 tháng/lần hoặc dài hơn.
10. Kỳ trả gốc: 03 tháng/lần hoặc dài hơn.
11. Lãi suất vay: Lãi suất vay cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam dành cho cá nhân kỳ hạn 12 tháng (lãi trả sau) của bốn (04) ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng (+) Biên độ điều chỉnh lãi suất.
12. Kỳ điều chỉnh lãi suất: 06 tháng/lần hoặc dài hơn.
13. Tiêu chí lựa chọn ngân hàng cung cấp vốn tín dụng:

STT	Yêu cầu	Tiêu chuẩn đánh giá	
		Đạt	Không đạt
I	Các tiêu chí bắt buộc		
1	Số tiền cho vay	Không dưới 377.419.945.000 đồng	Dưới 377.419.945.000 đồng
2	Loại tiền cho vay	Việt Nam đồng	Khác Việt Nam đồng
3	Hình thức cho vay	Tín chấp	Thế chấp tài sản đảm bảo
4	Thời gian cho vay (kể từ ngày giải ngân đầu tiên)	07 năm	Khác 07 năm

5	Thời gian ân hạn gốc (kể từ ngày giải ngân đầu tiên)	02 năm	Khác 02 năm
6	Thời gian cố định lãi suất vay ban đầu	Cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Không cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
7	Lãi suất vay sau thời gian cố định lãi suất ban đầu	Công thức tính: Bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam dành cho cá nhân kỳ hạn 12 tháng (lãi trả sau) của bốn (04) ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng (+) Biên độ điều chỉnh lãi suất	Không tính theo công thức đã nêu
8	Kỳ điều chỉnh lãi suất	06 tháng/lần hoặc dài hơn	Dưới 06 tháng/lần
9	Kỳ trả gốc/lãi	03 tháng/lần hoặc dài hơn	Dưới 03 tháng/lần
10	Phí trả nợ trước hạn	Trả nợ trước hạn không tính phí	Tính phí trả nợ trước hạn
II	Các tiêu chí so sánh		
1	Giá so sánh	Tổng lãi phải trả trong toàn bộ thời gian vay thấp hơn sẽ được chọn (Bảng tạm tính lãi phải trả như tại Phụ lục 1 kèm theo - Trong đó: Lãi suất cho vay sau thời gian cố định lãi suất vay ban đầu được quy ước bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam dành cho cá nhân kỳ hạn 12 tháng (lãi trả sau) của bốn (04) ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank tại thời điểm ngày 09/10/2024 cộng (+) Biên độ điều chỉnh lãi suất).	
2	Tiêu chí so sánh khác	Ngân hàng có lãi suất quá hạn thấp hơn sẽ được chọn.	

Ngân hàng được lựa chọn cung cấp vốn tín dụng phải đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Đối với các tiêu chí bắt buộc: “Đạt”.
- Có tiêu chí giá so sánh thấp nhất.

Trong trường hợp giá so sánh của các ngân hàng bằng nhau thì so sánh đến tiêu chí: Ngân hàng có lãi suất quá hạn thấp hơn sẽ được chọn.

IV. Các biểu mẫu:

Mẫu Bảng tạm tính lãi phải trả: như tại Phụ lục 1 kèm theo.

Mẫu Bản chào cung cấp vốn tín dụng: như tại Phụ lục 2 kèm theo.

Phụ lục 1
BẢNG TẠM TÍNH LÃI PHẢI TRẢ

DVT: 1000 đồng

S T T	Kỳ hạn trả nợ	Thời gian trả nợ	Giá trị giải ngân trong kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Gốc trả trong kỳ	Dư nợ cuối kỳ	Lãi suất áp dụng trong kỳ	Lãi phải trả trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)+(4)- (6)	(8)	(9)
1	Kỳ 0	
2	Kỳ 1	
3	Kỳ 2	
4	Kỳ 3	
5	Kỳ 4	
...
Tổng (A)								...

Lưu ý:

- (1) Ghi số thứ tự.
- (2) Ghi số kỳ trả nợ trong toàn bộ thời gian vay.
- (3) Ghi thời gian trả nợ dự kiến.
- (4) Ghi giá trị giải ngân trong kỳ.
- (5) Ghi dư nợ đầu kỳ theo cách tính: Dư nợ đầu kỳ = Dư nợ cuối kỳ liền trước.
- (6) Ghi số tiền gốc trả trong kỳ.
- (7) Ghi dư nợ cuối kỳ theo cách tính: Dư nợ cuối kỳ = Dư nợ đầu kỳ cộng (+) Giá trị giải ngân trong kỳ trừ (-) Gốc trả trong kỳ.
- (8) Ghi lãi suất áp dụng trong kỳ (%/năm).
- (9) Ghi số tiền lãi phải trả trong kỳ.
- (A) Tổng số tiền lãi phải trả trong kỳ của tất cả các kỳ thanh toán.

Thông tin làm cơ sở tạm tính:

- Ngày giải ngân đầu tiên: 30/6/2025. Số tiền giải ngân: 52.230.906.000 đồng.
- Ngày giải ngân thứ hai: 30/9/2025. Số tiền giải ngân: 251.912.290.000 đồng.
- Ngày giải ngân thứ ba: 31/12/2025. Số tiền giải ngân: 73.276.749.000 đồng.
- Lãi suất cho vay sau thời gian cố định lãi suất ban đầu: được quy ước bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam dành cho cá nhân kỳ hạn 12 tháng (lãi trả sau) của bốn (04) ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank tại thời điểm ngày 09/10/2024 cộng (+) Biên độ điều chỉnh lãi suất.

Phụ lục 2
MẪU BẢN CHÀO CUNG CẤP VỐN TÍN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN NGÂN HÀNG

Số:
V/v

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Kính gửi: Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam

Phúc đáp Công văn số /QLB ngày / /2024 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc mời quan tâm cung cấp vốn tín dụng;

Chúng tôi [*tên ngân hàng và chi nhánh*] có trụ sở đăng ký tại [*địa chỉ ngân hàng*] xin đề xuất cung cấp vốn tín dụng cho Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam với các điều kiện ghi tại bảng dưới đây:

STT	Nội dung yêu cầu	Nội dung chào
1	Số tiền cho vay	
2	Loại tiền cho vay	
3	Hình thức cho vay	
4	Thời gian cho vay (kể từ ngày giải ngân đầu tiên)	
5	Thời gian ân hạn gốc (kể từ ngày giải ngân đầu tiên)	
6	Kỳ trả lãitháng/lần
7	Kỳ trả gốctháng/lần
8	Kỳ điều chỉnh lãi suấttháng/lần
9	Thời gian cố định lãi suất ban đầu	

10	Lãi suất cho vay trong thời gian cố định lãi suất ban đầu	
11	Lãi suất cho vay sau thời gian cố định lãi suất ban đầu	
12	Tổng lãi phải trả tạm tính trong toàn bộ thời gian vay <i>(Đề nghị ngân hàng gửi kèm bảng tạm tính lãi phải trả theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo văn bản này)</i>	
13	Lãi suất quá hạn	
14	Phí trả nợ trước hạn	

Nội dung đề xuất trên có thời gian hiệu lực đến hết ngày... tháng... năm 2024.

Trong trường hợp được Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam chấp nhận, chúng tôi sẵn sàng đàm phán, ký kết hợp đồng tín dụng trong vòng *[số ngày làm việc]* kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn.

Trân trọng!

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
(Ký, ghi tên, chức danh và đóng dấu)